|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Số:      /BC-UBND | *Ia Pa, ngày  tháng 12  năm 2019* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO** |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn**

**nông thôn mới xã Ia Tul năm 2019**

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;Quyết định số 392/QĐ-UBNDngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Ia Tul tại Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 13/12/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã của các phòng ban phụ trách tiêu chí, UBND huyện Ia Pa báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Ia Tul năm 2019, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA:**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 17/12/2019 đến ngày 18/12/2019):

**1. Về hồ sơ:**

Xã đã hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo điểm b, khoản 3, Điều 8 tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Hồ sơ gồm có:

- Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 13/12/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

- Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 06/12/2019 của UBND xã Ia Tul về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2019 xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Báo cáo 194/BC-UBND ngày 11/12/2019 của UBND xã Ia Tul về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2019 của UBND xã Ia Tul.

- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 của UBND xã Ia Tul.

- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến đề nghị xét công nhận xã Ia Tul đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 của UBND xã Ia Tul.

- Biên bản làm việc về đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí của Đoàn đánh giá xã Ia Tul.

- Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 13/12/2019 của UBND xã Ia Tul về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Ia Tul.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:**

Tổng số 19 tiêu chí, UBND huyện tổ chức thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới của là 19/ 19 tiêu chí theo quy định, đạt 100 %, cụ thể:

**2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Có Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn**:**

 + Có thuyết minh quy hoạch NTM xã;

 + Có 02 hình công bố bản đồ quy hoạch của xã;

 + Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND huyện Ia Pa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai giai đoạn năm 2011-2020.

 + Biên bản số 23/11/2011 của xã về công bố quy hoạch.

-Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

+ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND huyện Ia Pa về việc phê duyệt Quy chế quản lý Quy hoạch nông thôn mới xã Ia Tul.

+ Quy chế số 01/QC-UBND ngày 28/12/2015 của UBND xã Ia Tul về việc Quản lý Quy hoạch nông thôn mới xã Ia Tul, huyện Ia Pa.

+ Có biên bản đánh giá đạt ngày 23/10/2019 của Sở Xây dựng.

Kinh phí thực hiện: 100 triệu đồng.

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

 - Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100 %.

 - Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt ≥70%.

 - Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100 %, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%.

 - Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm ≥70%.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

**- Các nội dung đã thực hiện:**

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt: 9.5/9.5 km (100%).

+ Đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt: 12.58/12.68 km đạt 99.2%, gồm 12 tuyến.

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt: Tỷ lệ đường không lầy lội vào mùa mưa là 100% gồm 54 tuyến. Trong đó, tỷ lệ cứng hóa 10,41km/11,33km, đạt 91,8%.

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: Các tuyến trục chính nội đồng 19,15 km, đã được cứng hóa bê tông xi măng 4,95 km, cấp phối 8,8 km. Tỷ lệ đường cứng hóa đạt 71,8 % (13,75 km/19,15 km). Có danh sách các tuyến đường kèm theo.

- Có báo cáo 57/BC-UBND ngày 10/6/2019 của UBND xã Ia Tul về kết quả thực hiện tiêu chí Giao thông trên địa bàn xã.

- Có biên bản đánh giá đạt ngày 23/10/2019 của Sở Xây dựng.

- Kinh phí đã thực hiện: 21.105 triệu đồng.

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

-Trên địa bàn xã hiện tại có 03 công trình thủy lợi là trạm bơm điện lấy nước trên suối Ia Thul, được giao cho HTX Nông nghiệp Ia Tul quản lý, khai thác. Tổng chiều dài kênh mương các loại là 30,2km, kênh bê tông là 27,5km *(đạt 91%),* kênh đất là 2,7km *(đạt 9%).* Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động: Ttưới, tiêu = 2.312ha/2.814ha x 100(%) = 82,1%*(*kèm bảng thống kê diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước đảm bảo tưới, tiêu chủ động).

+ Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 15/11/2019 về việc đánh giá tiêu chí 3 thủy lợi đạt năm 2019.

+ Biên bản họp đánh giá tiêu chí 3

+ Danh sách hộ có diện tích sản xuất tại 3 trạm bơm điện 1, 2, 3 Ia Tul được cấp nước thủy lợi.

+ Quyết định 726/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

+ Danh sách hộ có diện tích sản xuất tại 3 trạm bơm điện 1, 2, 3 Ia Tul được cấp nước thủy lợi.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ:

+ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã UBND xã đã ban hành.

+ Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019, về việc Ban hành Quy chế về hoạt động Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Ia Tul.

+ Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 về việc phân công trách nhiệm các thành viên Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã Ia Tul.

+ Cán bộ xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ: 100% được tập huấn.

 + Quyết định số 49a/QĐ- UBND ngày 10/5/2018 về việc kiện toàn đội thanh niên xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019.

+ Trích biên bản họp thôn về phổ biến kiến thức phòng, chống thiên tai (có dánh sách người dân vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai kèm theo)

+ Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 06/3/2019 về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Ia Tul.

+ Phương án số 02/PA-UBND ngày 25/3/2019 ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro trên địa bàn xã Ia Tul 2019.

+ Phương án số 03/PA-UBND ngày 25/3/2019 về Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã Ia Tul năm 2019.

+ Báo cáo hệ thống kênh mương do xã quản lý.

+ Bảng tổng hợp nghiệm thu thanh lý hợp đồng dùng nước vụ đông xuân năm 2019.

+ Bảng tổng hợp nghiệm thu thanh lý hợp đồng dùng nước vụ mùa năm 2019.

+ Báo cáo số 43/BC-UBND ngày 27/5/2019 đánh giá tiêu chí số 8 nông thôn mới năm 2019 xã Ia Tul (hệ thống thông tin được đảm bảo).

- Kinh phí đã thực hiện: 2.051 triệu đồng

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí số:**

- Hệ thống điện đạt chuẩn.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: ≥98%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- UBND xã thường xuyên phối hợp Công ty Điện lực AyunPa kiểm tra hệ thống lưới điện, trạm biến áp trên địa bàn xã, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đường điện, đảm bảo an toàn lưới điện trước trong và sau mùa mưa bão.

- Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt chuẩn.

+ Biên bản đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn trên địa bàn xã Ia Tul với chi nhánh Cty Điện lực AyunPa.

+ Báo cáo số 22/BC-KTHT ngày 17/6/2019 của phòng Kinh tế Hạ tầng về kết quả thực hiện tiêu chí 4 về điện nông thôn; tiêu chí 7 về sơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; và tiêu chí 17.8 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn:

+ Kết quả thực hiện tiêu chí 4 điện nông thôn có xác nhận Điện lực Thị xã Ayun Pa có 100% hộ sử dụng điện an toàn.

+ Biên bản làm việc về tiêu chí 4, tiêu chí 7, và tiêu chí 17.8 của phòng Kinh tế hạ tầng.

+ Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 31/5/2019 về đánh giá tiêu chí nông thôn mới: tiêu chí 4 điện nông thôn.

+ Danh sách các trạm biên áp trên địa bàn xã.

+ Biên bản làm việc về tiêu chí 4, tiêu chí 7, và tiêu chí 17.8 của Sở Công thương ngày 23/10/2019.

**c) Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc ≥70%.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Giáo dục – Đào tạo chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

Qua khảo sát tại 03 trường học trên địa bàn xã (Trường THCS Phạm Hồng Thái, Trường Tiểu học Kim Đồng, trường mẫu giáo Họa Mi), đã bổ sung các hạng mục còn thiếu, đảm bảo đạt về cơ sở vật chất trường học.

- Trường mẫu giáo Họa Mi: đã bổ sung hạng mục cải tạo, ở rộng phòng học Nghệ thuật để bổ sung phòng nhân viên, y tế, cải tạo mở rộng nhà vệ sinh, nhà để xe giáo viên, làm nhà bếp nấu ăn, mái che bôn Tơ Khế, sơn sửa, chống thấm phòng học.

- Trường TH Kim Đồng: đã bổ sung hạng mục nâng cấp, mở rộng nhà vệ sinh, bổ sung bàn ghế học sinh, và trang thiết bị dạy học.

- Trường THCS Phạm Hồng Thái: đã bổ sung hạng mục trang thiết bị dùng chung và thiết bị bộ môn Lý,Hóa; Cải tạo, nâng cấp cổng, hàng rào. Sắp xếp và chỉnh trang các phòng nhân viên, y tế, thư viện, cảnh quang môi trường.

- Bổ sung các hạng mục mua sắm trang thiết bị dạy học hàng năm cho các trường.

Kinh phí đã và đang thực hiện: 5.217 triệu đồng

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

 - Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- 100% thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa thể thao phục vụ cộng đồng.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Văn hóa – Thông tin chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Xã đã thành lập Trung tâm văn hóa, Thể thao xã tại quyết định Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND huyện về việc thành lập Trung tâm văn hóa – thể thao xã Ia Tul. Xã xây dựng các thiết chế văn hóa thể thao của xã, có nội quy, quy chế họat động, kế hoạch văn hóa thể thao của xã.Về trang thiết bị của hội trường nhà văn hóa xã tương đối đảm bảo để phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao của xã.

+ Báo cáo hiện trạng Nhà văn hóa xã, Nhà văn hóa 03 thôn trên địa bàn xã Ia Tul.(mẫu số 01, mẫu số 02)

+ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 11/01/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thành lập Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Ia Tul.

+ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND huyện Ia Pa về việc bổ nhiệm Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Ia Tul.

+ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND xã Ia Tul về việc bổ nhiệm Phó Chủ nhiệm và cộng tác viên Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Ia Tul.

+ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 11/06/2019 về tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ - Thể dục thể thao của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã Ia Tul.

+ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 11/06/2019 về thực hiện chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước cho học sinh, trẻ em trên địa bàn xã giai đoạn 2019-2020.

+ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 của UBND xã Ia Tul về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm văn hóa- thể thao xã Ia Tul và quy chế tổ chức và hoạt động

+ Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thành lập Câu lạc bộ Bóng Đá nam xã Ia Tul.

+ Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thành lập Câu lạc bộ Bóng Chuyền nam xã Ia Tul

+ Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 19/06/2019 của UBND xã Ia Tul về việc thành lập Câu lạc bộ bắn nỏ xã Ia Tul.

- Xã sử dụng hội trường đa năng, sân thể thao, nhà sinh hoạt thôn lồng ghép làm điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Có trang thiết cho điểm vui chơi cho trẻ em và người già.

- Có 100% thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

+ 03 Quyết định của UBND xã Ia Tul thành lập các Nhà văn hóa – Khu thể thao của 3 thôn.

+ 03 Quyết định của UBND xã Ia Tul phê duyệt Quy chế hoạt động Nhà văn hóa – Khu thể thao kèm Quy chế tổ chức hoạt động, nội quy nhà văn hóa các thôn.

+ 03 Quyết định của UBND xã Ia Tul thành lập câu lạc bộ Bóng chuyền nam các bôn trên địa bàn xã.

+ Hình ảnh minh họa nhà văn hóa xã, nhà văn hóa 3 thôn

- Kinh phí đã thực hiện: 3.619 triệu đồng

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa**.**

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Có báo cáo số 22/BC- KT&HT ngày 17/6/2019 của Phòng KT&HT về kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn; tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và tiêu chí 17.8 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP ( theo quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Gia Lai: Có quy định *“Trường hợp xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng hoặc xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch thì sẽ không xem xét tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và xã được công nhận tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn”)*

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí trong năm 2019 ).

**2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

- Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, in ternet.

- Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

- Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Văn hóa – Thông tin chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Xã có 1 thùng thư công cộng, niêm yết số lần mở lấy thư trong ngày và có 01 nhân viên phục vụ bưu chính.

Có báo cáo số 43/BC-UBND ngày 27/5/2019 của UBND xã Ia Tul về thực hiện tiêu chí số 8 Thông tin truyền thông của xã.

+ Xã có dịch vụ viễn thông internet

Có biên bản đánh giá tiêu chí 8.1; 8.2 ngày 07/6 /2019 của phòng văn hóa và thông tin.

Xã có khả năng đáp ứng dịch vụ điện thoại di động và truy cập internet di động 3G, 4G.

+ Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến 03 thôn.

Có biên bản đánh giá tiêu chí 8.3 ngày 07/6/2019 của phòng văn hóa và thông tin.

Có Quyết định số 79/QĐ-ĐTT ngày 11/06/2019 Ban hành quy chế hoạt động của Đài truyền thanh xã Ia Tul.

Có Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 Phân công nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý đài truyền thanh xã.

 Có Giấy phép số 276988/TTKD, giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện ngày 27/7/2018.

+ Thống kê số lượng 24 máy tính UBND xã Ia Tul

+ Danh sách 24 loa trên địa bàn xã, 12 cụm thu FM/3 thôn.

+100% cán bộ, công chức sử dụng máy tính trong công tác, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và sử dụng thư điện tử công vụ trong giải quyết chuyên môn.

+ Tỷ lệ máy tính trên số cán bộ công chức đạt 100%.

+ Máy tính cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND xã có sử dụng dịch vụ internet và thực hiện nhận gửi văn bản chỉ đạo, điều hành qua mạng internet.

+ Xã có trang thông tin điện tử thành phần của huyện.

- Kinh phí đã thực hiện: 350 triệu đồng

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí trong năm 2019).

**2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát;

- Trên 75% hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

 - Đến nay, số nhà đạt chuẩn của BXD trên địa bàn xã là: 530/686 nhà, đạt tỷ lệ 77,26%; Số nhà ở chưa đạt chuẩn BXD là: 156/686 nhà, tỷ lệ 22,74%.

+ Có biểu 1 tổng hợp đánh giá nhà ở theo tiêu chí 9 nông thôn mới năm 2019.

+ Biên bản thẩm tra, đánh giá kết quả hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư của xã.

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư nông thôn của thôn bôn Biah A (có biểu 1 tổng hợp đánh giá nhà ở theo tiêu chí 9 nông thôn mới của bôn Biah A năm 2019 kèm theo)

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư nông thôn của thôn bôn Biah B (có biểu 1 tổng hợp đánh giá nhà ở theo tiêu chí 9 nông thôn mới của bôn Biah B năm 2019 kèm theo)

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá hoàn thành tiêu chí nhà ở dân cư nông thôn của thôn bôn Tơ Khế (có biểu 1 tổng hợp đánh giá nhà ở theo tiêu chí 9 nông thôn mới của bôn Tơ Khế năm 2019 kèm theo).

+ Có biên bản đánh giá đạt ngày 23/10/2019 của Sở Xây dựng.

- Kinh phí đã thực hiện: 1.215 triệu đồng

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn đối với xã khu vực II năm 2019, thu nhập bình quân đạt: 38 triệu đồng/người/năm.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Chi cục Thống kê huyện chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã 38,35 triệu đồng/người/năm.

 + Có biểu rà soát thu nhập bình quân đầu người: từ biểu 1 đến biểu 8.

+ Có Biên bản làm việc của Phòng thống kê huyện ngày 03/12/2019 thì tiêu chí số 10 trên địa bàn xã Ia Tul đã đạt.

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí trong năm 2019 ).

**2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020: < 7%

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Lao động Thương binh Xã hội chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Toàn xã còn 37 hộ nghèo/686 hộ (chiếm 5,39%). Có danh sách hộ nghèo và phiếu điều tra hộ nghèo năm 2019.

+ Quyết định 458/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBNDhuyện Ia Pa về việc phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 trên địa bàn huyện Ia Pa. Xã Ia Tul có 37 hộ nghèo/686 hộ nghèo, chiếm 5,39%; Hộ cận nghèo 78/686 hộ, chiếm 11,37%.

+ Danh sách hộ nghèo năm 2019 của UBND xã.

+ Danh sách hộ cận nghèo năm 2019 của UBND xã.

+ Phụ lục 1 Tổng hợp tỷ lệ hộ nghèo xã Ia Tul năm 2019

+ Tổng hợp diễn biến kết quả giảm số hộ nghèo năm 2019 theo mẫu 4a

+ Tổng hợp diễn biến kết quả giảm số hộ cận nghèo năm 2019 theo mẫu 4b

+ Phân tích hộ nghèo theo mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2019 theo mẫu 4c

+ Phân tích hộ cận nghèo theo mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2019 theo mẫu 4d

+ Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng năm 2019 theo 4đ

+ Phân tích hộ nghèo (Nghèo về thu nhập) thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2019 theo mẫu 4e

+ Bảng Tổng hợp hộ nghèo, cận nghèo các dân tộc thiểu số năm 2019 theo mẫu 4g

+ Phân tích hộ nghèo thuộc các hội – đoàn thể năm 2019 theo mẫu 4h

+ Phân tích hộ nghèo thiếu hụt đa chiều theo từng chỉ số thiếu hụt năm 2019 theo mẫu 4i

+ 37 phiếu rà soát hộ nghèo

+ 03 Biên bản họp dân thống nhất kết quả ra soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

**c. Kết quả thẩm tra:** Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí trong năm 2019 ).

**2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động > 90%

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Lao động Thương binh Xã hội chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 1855/2025 lao động, đạt 91,60%.

+ Có Phụ lục 2: Biểu tổng hợp kết quả tỷ lệ lao động có việc làm và lao động có việc làm qua đào tạo năm 2018 của UBND xã.

+ 03 tập Phụ lục 2a của 03 thôn

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Hiện nay, xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: HTX NN Ia Tul có 41 thành viên. Có 01 loại hình hoạt động kinh doanh dịch vụ thủy nông hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

+ Có giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số: 391407000001 đăng ký lần 2 ngày 13/05/2016.

+ Biên bản bầu kiểm phiếu HĐQT HTX NN Ia Tul nhiệm kỳ IV năm 2015-2020 kèm theo danh sách thành viên Hội Đồng Quản trị, danh dách Ban giám đốc, danh sách Ban kiểm soát.

+ Biên bản HTX tự chấm điểm, đánh giá ngày 27/11/2019.

+ Phụ lục 1: Đánh giá, thẩm định HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012

+ Phụ lục 2: Bảng tự chấm điểm của HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Phụ lục 3: Bảng Tổng hợp kết quả đánh giá mức độ hài lòng của thành viên đối với HTX

+ Báo cáo 20/BC-HTX ngày 21/12/2018 về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

+ Báo cáo 05/BC-HTX ngày 11/11/2019 về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: UBND xã đã có quyết định quy định về sản phẩm chủ lực của xã là cây Lúa, cây Mì. Đây là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, có diện tích sản xuất quy mô lớn, hiệu quả kinh tế cao. Có Kế hoạch tái cơ cấu phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Có Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc phê duyệt sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực xã Ia Tul năm 2018 và định hướng phát triển đến năm 2020.

+ Có Kế hoạch số 24/KH- UBND ngày 29/11/2018 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn xã Ia Tul đến năm 2020.

+ Có hợp đồng liên kết đảm bảo giữa đại lý Hoa Thuận cung ứng vật tư và thu mua nông sản với HTX và UBND xã.

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tiếp THPT, bổ túc, trung cấp: > 70%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: > 25%.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Giáo dục – Đào tạo, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND huyện Ia Pa về việc công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục,xóa mù chữ năm 2018 đối với xã Ia Tul. *(Kèm theo hồ sơ phổ cập giáo dục năm 2018 của trường Mẫu giáo Họa Mi, trường Tiểu học Kim Đồng, Trường THCS Phạm Hồng Thái)*

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): Đạt 89,3%

+ Có Quyết định số 31/QĐ-PGDĐT ngày 30/5/2019 về việc công nhận Tốt nghiệp THCS năm 2018-2019 *(có danh sách kèm theo).*

+ Quyết định số 50/QĐ-PGDĐT ngày 01/6/2018 về việc công nhận Tốt nghiệp THCS năm 2017-2018 *(có danh sách kèm theo).*

+ Quyết định số 57/QĐ-PGDĐT ngày 27/5/2017 về việc công nhận Tốt nghiệp THCS năm 2016-2017 *(có danh sách kèm theo).*

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo 530/1855 người, đạt 28,57%.

+ Có hồ sơ điều tra cung cầu lao động 2019 kèm theo. (Phụ lục 2: Biểu tổng hợp kết quả tỷ lệ lao động có việc làm và lao động có việc làm qua đào tạo năm 2019).

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.15. Tiêu chí số 15 vềY tế:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) < 31.4%.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Y tế chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Tỷ lệ người tham gia BHYT 3070/ 3177 người, đạt tỷ lệ 96,6%. (Có danh sách tổng hợp số liệu tham gia BHYT xã Ia Tul).

+ Có 6 danh sách các đối tượng tham gia BHYT.

+ Có bản chấm điểm, thẩm định xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế của Trung tâm y tế huyện Ia Pa đối với xã Ia Tul đạt 90/100 điểm. Đạt tiêu chí Nông thôn mới.

+ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chăm sóc sức khoẻ nhân dân năm 2019.

+ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm xã Ia Tul năm 2019.

+ Kế hoạch số 01/KH-BCĐVSATTP ngày 09/01/2019 của Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp “Tết Nguyên đán Kỷ hợi” năm 2019.

+ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc thành lập đoàn kiểm tra về VSATTP trong dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019.

+ Báo cáo kết quả kiểm tra ATTP trong dịp Tết Nguyên Đán Kỷ Hợi năm 2019.

+ Kế hoạch số 02/KH-BCĐVSATTP ngày 13/4/2019 của Ban chỉ đạo VSATTP xã về việc triển khai Tháng hành động về an toàn thực phẩm năm 2019.

+ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND xã về việc thành lập Đoàn kiểm tra về VSATTP trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019.

+ Báo cáo số 03/BC-BCĐ ngày 25/9/2019 của đoàn kiểm tra về kết quả thanh kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp “Tết Trung Thu” năm 2019.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (Chỉ tiêu < 31,4% ): có 75/342 trẻ, chiếm 21,93%.

+ Có biên bản ngày 26/9/2019 đánh giá tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi là 75/342 trẻ, chiếm 21,93%.

+ Biểu mẫu báo cáo số liệu trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2019 của 3 thôn bôn Biah A, Bôn Biah B, bôn Tơ Khế)

+ Báo cáo kết quả đợt cân đo chiều cao dưới 5 tuổi năm 2019

+ Báo cáo số liệu cơ bản mẫu số 4 năm 2018.

+ Báo cáo số liệu trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 6 tháng đầu năm 2019

+ Báo cáo số liệu cơ bản theo mẫu số 4 trong 6 tháng đầu năm 2019.

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí trong năm 2019 ).

**2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt chuẩn văn hóa theo quy định 70% trở lên.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Văn hóa – Thông tin chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

Năm 2019 có 3/3 thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, đạt 100%. Hồ sơ minh chứng gồm có:

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND huyện Ia Pa về công nhận danh hiệu thôn, làng văn hóa năm 2016.

- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Ia Pa về việc công nhận danh hiệu thôn, làng văn hóa năm 2017.

- Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND huyện Ia Pa về việc công nhận danh hiệu thôn, làng văn hóa năm 2018.

- Quyết định số 84/QD-UBND ngày 05/11/2018 của UBND xã Ia Tul về việc công nhận “Gia đình văn hóa tiêu biểu 3 năm liên tục 2016-2018”.

- Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND xã Ia Tul về việc công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2018 (công nhận 383 gia đình văn hóa 3 năm 2016-2018).

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định > 95%

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất- kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh- sạch - đẹp- an toàn.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: >= 70%

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: >= 60%

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Tài nguyên – Môi trường, Phòng Nông ngiệp và phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện:

*Chỉ tiêu 17.1*: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.

+ Có danh sách điều tra cụ thể từng hộ của thôn số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 664/686 hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 96,79%; Có 356/686 hộ được sử dụng nước sạch, đạt tỷ lệ 51,9%.

+ Có báo cáo đánh giá tiêu chí Nông thôn mới 17.1, và 17.8 của UBND xã Ia Tul.

+ Có 4 phiếu trả lời kết quả kiểm nghiệm nước.

*Chỉ tiêu 17.2:* Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh có đầy đủ thủ tục môi trường và ký cam kết với UBND xã, tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%. Hồ sơ có:

+ Danh sách 4 hộ sản xuất kinh doanh cam kết đảm bảo quy định về môi trường do cấp huyện quản lý (có giấy cam kết kèm theo)

+ Danh sách 31 hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ đã có cam kết đảm bảo quy định về môi trường với cấp xã (Có giấy cam kết kèm theo)

+ Hộ nuôi trồng thủy sản, làng nghề: không có.

*Chỉ tiêu 17.3:* Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.

UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn trên địa bàn xã. Có hương ước bảo vệ môi trường, quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn, làng và tại hộ gia đình, không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan, ao hồ, kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng thường xuyên được vệ sinh, sạch sẽ. Các cơ quan, đơn vị đóng chân trên địa bàn xã có cây xanh bóng mát, môi trường xanh - sạch - đẹp. Năm 2019 xã nhận trồng 5000 cây Huỳnh đàn cấp cho các hộ dân trên địa bàn trồng tại vườn nhà các hộ, nghĩa địa, nhà văn hóa thôn.

+ Có kế hoạch số 15a/KH-UBND ngày 04 /3/2019 kế hoạch tăng cường, đẩy mạnh công tác bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Ia Tul. Kế hoạch số 39/KH-BCH ngày 25/3/2019 của Ban chấp hành Hội liên hiệp phụ nữ xã về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” năm 2019. Kế hoạch số 39/KH-BCH ngày 25/3/2019 về triển khai thực hiện các phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới năm 2019.

+ Danh sách tổng hợp thực hiện 3 sạch, hộ có chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, hộ có hố rác đạt 482/686 hộ thực hiện 3 sạch, có chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, hố rác, đạt tỷ lệ 70,26%

+ Hương ước và quy ước của 3 thôn làng quy định giữ gìn vệ sinh môi trường nơi công cộng của thôn, làng và tại hộ gia đình, không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan, ao hồ, kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng thường xuyên được vệ sinh, sạch sẽ.

+ Có báo cáo số tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Ia Tul năm 2019.

Chỉ tiêu 17.4: Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

Trên địa bàn xã có 03 thôn đều có nghĩa trang riêng. UBND xã đã ban hành quy chế sử dụng quản lý nghĩa trang của Bôn Biah A, Biah B, Tơ khế.

+ Có tài liệu về cắm mốc nghĩa trang 03 thôn

+ Có số liệu báo cáo tổng hợp các nghĩa trang của xã kèm theo hồ sơ.

+ Quy chế quản lý nghĩa trang của 03 thôn.

*Chỉ tiêu 17.5:* Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với các hộ dân ở các thôn, làng UBND xã tập trung tuyên truyền đào hố xí, hố rác để thu gom xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

 + Quyết định số 118a/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo Quản lý Môi trường;

+ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 Về việc phê duyệt phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Ia Tul giai đoạn 2019-2020 *(kèm theo phương án).*

+ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 Về việc phê duyệt phương án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng *(kèm theo phương án).* Xã đã đặt 100 bể chứa thu gom rác thải bao bì thuốc BVTV tại các cánh đồng trạm bơm 1, 2, 3 và các khu sản xuất tập trung của xã.

+ Đối với rác thải y tế: Có Hợp Đồng vận chuyển, lưu giữ và tiêu hủy chất thải nguy hại của Trạm y tế xã Ia Tul.

Chỉ tiêu 17.6: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

Có biểu Danh sách tổng hợp điều tra 3 công trình vệ sinh:

+ Nhà tiêu hợp vệ sinh: 629/686 hộ, đạt 91,7%.

+ Nhà tắm hợp vệ sinh: 597/686 hộ, đạt 87%.

+ Bể chứa nước hợp vệ sinh: 600/686 hộ, đạt 87,5%.

+ Hộ đảm bảo 3 công trình hợp vệ sinh: 597/686 hộ, đặt 87,03%.

*Chỉ tiêu 17.7:* Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã là chăn nuôi nhỏ lẻ có quy mô < 100 con gia súc và < 5000 con gia cầm, không có hộ - trang trại chăn nuôi >100 con gia súc và >5000 con gia cầm. Do đó công tác bảo vệ môi trường các hộ thực hiện cam kết với xã. Có 405/405 hộ chăn nuôi cam kết đảm bảo vệ sinh trong chăn nuôi (có bản cam kết kèm theo).

+ Có danh sách tổng hợp có 267/405 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi di dời ra khỏi gầm sàn nhà, đảm bảo hợp vệ sinh, đạt 65,93%.

*Chỉ tiêu 17.8*: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm xã Ia Tul năm 2019.

+ Kế hoạch số 02/KH-BCĐVSATTP ngày 13/4/2019 của Ban chỉ đạo VSATTP xã về việc triển khai Tháng hành động vè an toàn thực phẩm năm 2019.

+ Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND xã về việc thành lập Đoàn kiểm tra về VSATTP trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2019.

+ Danh sách các hộ được hướng dẫn tuyên truyền theo Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày ngày 27 tháng 12 năm 2014 của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhở lẻ.

+ Danh sách thống kê hộ sản xuất nhỏ lẻ ban đầu.

+ Danh sách 649 hộ sản xuất kinh doanh cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Danh sách 6 hộ bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm các hộ xay xát.

+ Danh sách 5 hộ cam kết bảo đảm ATTP đối với cở dịch vụ ăn uống kèm giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.

+ Danh sách 9 hộ am kết ATTP đối với các hộ kinh doanh tạp hóa, bánh kẹo kèm giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

+ Báo cáo đánh giá Nông thôn mới tiêu chí 17.1 và 17.8 của UBND xã Ia Tul.

- Kinh phí thực hiện tiêu chí: 3.742 triệu đồng.

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn " trong sạch, vững mạnh"

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Phòng Nội vụ, Phòng Tư pháp, Phòng Lao động Thương binh Xã hội chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

*Chỉ tiêu18.1:* Cán bộ xã đạt chuẩn: có 19/21 cán bộ xã đạt chuẩn, 01 cán bộ chưa đạt chuẩn; 01 công chức Văn hóa chưa có Bồi dưỡng chức danh, cụ thể:

+ Ông Siu Sứ: Chủ tịch UBND xã không đảm bảo về bằng THPT (9/12). Qua đó, nhiệm kỳ 2021-2025 sẽ không quy hoạch và bổ nhiệm theo quy định.

+ Bà Đinh Thị Hạnh, công chức VH – XH còn thiếu bồi dưỡng chức danh. Tháng 10/2019, Phòng Nội vụ huyện đã đăng ký với Sở Nội vụ tiếp tục cho bà Đinh Thị Hạnh tham gia lớp bồi dưỡng chức danh trong năm 2020.

*Chỉ tiêu 18.2*: Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.

*Chỉ têu 18.3:* Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh": Đạt.

*Chỉ tiêu 18.4:* Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt khá theo quy định của từng tổ chức: năm 2019 đạt 100% (5/5 tổ chức).

*Chỉ tiêu 18.5:* Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Đạt

Thực hiện quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 8/5/2017 của Thủ tướng chính phủ về ban hành quy định xây dựng xã phường thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật Và thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng bộ Tư pháp.

Biên bản kiểm tra, thẩm tra hồ sơ của Phòng Tư pháp chấm điểm xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật: xã đạt 88,5 /100 điểm. Tiêu chí đạt.

*Chỉ tiêu 18.6:* Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

+ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc công nhận “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng.

+ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc công nhận “Địa chỉ tin cậy” tại Bôn Biah A.

+ Quyết định số 06/QC-H PN ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập Câu lạc bộ “ Phụ nữ hạnh phúc”

+ Quyết định số 11/QC- HPN ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc công nhận Ban Chủ nhiệm CLB “Gia đình hội viên phụ nữ không vi phạm pháp luât”.

+ Quy chế hoạt động của câu lạc bộ “Gia đình hội viên phụ nữ không vi phạm pháp luật”

+ Danh sách thành viên CLB “Gia đình Hội viên Phụ nữ không vi phạm pháp luât”.

+ Quyết định số 12 /QĐ- BCN ngày 7 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành quy chế hoạt động của câu lạc bộ “ Gia đình hội viên phụ nữ không vi phạm pháp luật”.

+ Danh sách thành lập mô hình câu lạc bộ phụ nữ hạnh phúc bôn biah A.

+ Quy chế hoạt động của câu lạc bộ “Phụ nữ hạnh phúc”

+ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc thành lập lập Nhóm phòng chống bạo lực gia đình Bôn Biah B.

+ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc công nhận “Địa chỉ tin cậy” tại Bôn Bôn Tơ khế.

+ Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc công nhận “Địa chỉ tin cậy” tại Bôn Biah B.

+ Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc thành lập lập Nhóm phòng chống bạo lực gia đình Bôn Tơ khế.

+ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc thành lập lập Nhóm phòng chống bạo lực gia đình Bôn Biah A.

+ Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc thành lập lập Ban Chỉ đạo phòng chống bạo lực gia đình năm 2019.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ Đạo công tác gia đình năm 2019.

+ Danh sách hộ phụ nữ nghèo, phụ nữ DTTS được vay vốn từ các chương trình giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

**2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Xây dựng lực lượng dân quân " vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra tình trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội ( ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

**b. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tiêu chí này được UBND huyện giao cho Ban chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện chủ trì hướng dẫn UBND xã trong quá trình thực hiện.

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Có đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới các nội dung trong chỉ tiêu 19.1 thuộc tiêu chí 19 đối với xã Ia Tul ngày 17/9/2019 của Ban Chỉ huy Quân sự huyện.

 - Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước. Ngày 17/9/2019, Công an huyện phối hợp với Phòng PV05 Công an tỉnh làm việc với UBND xã về chỉ tiêu 19.2 xác định xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn xã vào ngày 17/9/2019.

+ Có hồ sơ công nhận xã đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ công an.

**c. Kết quả thẩm tra**: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:** Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

**II. KẾT LUẬN:**

**1. Về hồ sơ:**

Xã đã hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo điểm b, khoản 3, Điều 8 tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Tul đã được các phòng ban chuyên môn phụ trách các tiêu chí của huyện Ia Tul thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:**

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ:**

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, công nhận xã Ia Tul đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2019./.

***Nơi nhận****:* **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- UBND tỉnh;  **CHỦ TỊCH**

- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;

- TT Huyện ủy;

- CT, PCT UBND huyện;

- Các phòng, ban phụ trách

các tiêu chí, chỉ tiêu;

- Mặt trận TQVN và các đoàn thể huyện;

- Lưu VT-NL.

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA**

**CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**của xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2019 của UBND huyện Ia Pa)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tiêu chí**  | **Tên/Nội dung tiêu chí** | **ĐVT** | **Tiêu chuẩn đạt chuẩn** | **Kết quả thực hiện** | **Kết quả tự đánh giá của xã** | **Kết quả thẩm tra của huyện** |
| **I**  | **QUY HOẠCH** |  |  |  |  |  |
| **1** | **Quy hoạch** | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| **II** | **HẠ TẦNG KINH TẾ- XÃ HỘI** |   |   |   |   |  |
| **2** | **Giao thông** | 2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | % | 100 | 9,5/9,5km, đạt 100% |  Đạt | Đạt |
| 2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | % | ≥70 | 12.58/12.68 km, đạt 99.2%  | Đạt | Đạt |
| 2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa | % | 100 | 11,33/11,33km, Đạt 100% | Đạt  | Đạt |
| 2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | % | ≥70 | 13,75/19,15 km, đạt 71,8 %  | Đạt  | Đạt |
| **3** | **Thủy lợi** | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên | Đạt  | Đạt  | Đạt 84% | Đạt  | Đạt |
| 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ | Đạt | Đạt | Đạt  | Đạt | Đạt |
| **4** | **Điện** | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt | Đạt  | Đạt | Đạt | Đạt |
| 4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn | % | ≥ 98% | 686/686 hộ đạt 100% | Đạt | Đạt |
| **5** | **Trường học** | Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia | % | ≥ 70% | 70% | Đạt  | (100%)Đạt |
| **6** | **Cơ sở vật chất văn hóa** | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | Đạt  | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | % | 100 | 3/3 thôn đạt 100% | Đạt | Đạt |
| **7** | **Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn** | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| **8** | **Thông tin và Truyền thông** | 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính | Có  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet | có  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | có  | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành | có  | Đạt  | Đạt  | Đạt | Đạt |
| **9** | **Nhà ở** | 9.1. Nhà tạm, dột nát | Không | Không  | Không  | Đạt | Đạt |
| 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định | % | ≥ 75% | 530/686 nhà, Đạt 77,26% | Đạt | Đạt |
| **III** | **KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT** |   |   |   |   |  |
| **10** | **Thu nhập** | Thu nhập bình quân đầu ngườikhu vực nông thôn năm 2019 (triệu đồng/người) | Triệu đồng | ≥38 | 38,35 Tr.đồng | Đạt  | Đạt |
| **11** | **Hộ nghèo** | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 | % | ≤ 7% | 37/686 hộ Đạt 5,39% | Đạt  | Đạt |
| **12** | **Lao động có việc làm** | Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động | % | ≥ 90% | 1855/2025 lao động, Đạt 91,6% | Đạt  | Đạt |
| **13** | **Tổ chức sản xuất** | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 | Đạt | Đạt  |  HTX NN Ia Tul hoạt động theo luật HTX năm 2012 | Đạt  | Đạt |
| 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt | Đạt  | Đạt | Đạt  | Đạt |
| **IV**  | **VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG** |   |   |   |   |  |
| **14** | **Giáo dục và Đào tạo** | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở | Đạt | Đạt | Đạt mức độ 2 | Đạt | Đạt |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp nghề) | % | ≥ 70% | Đạt 89,3% | Đạt | Đạt |
| 14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo | % | ≥ 25 | 530/1855 người, đạt 28,57%.  | Đạt  | Đạt |
| **15** | **Y tế** | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế | % | ≥ 85% | đạt 96,6%.  | Đạt  | Đạt |
| 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | % | ≤ 31,4% | 75/342 trẻ, đạt 21,93%  | Đạt  | Đạt |
| **16** | **Văn hóa** | Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định | % | ≥ 70% | 3/3 thôn, đạt 100% | Đạt | Đạt |
| 17 | **Môi trường và an toàn thực phẩm** | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định | % | ≥ 95% | 664/686 hộ, đạt 96,79% | Đạt  | Đạt |
| % | (≥50% nước sạch) | 356/686 hộ đạt 51,9%. | Đạt  | Đạt |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường | % | 100 | 35/35 hộ, Đạt 100% | Đạt  | Đạt |
| 17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 17.4. Mai táng phù hợp với phong tục tập quán,quy định chính quyền và theo quy hoạch | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| 17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt  | Đạt |
| 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | % | ≥ 70 | Nhà tiêu (629/686 hộ) đạt 91,7% Nhà tắm (597/686 nhà)đạt 87% Bể chứa nước HVS (600/686 bể)đạt 87,5% | Đạt  | Đạt |
| 17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường | % | ≥ 60 | 267/405 hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh, đạt 65,93%. | Đạt  | Đạt |
| 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | % | 100 | 100% | Đạt  | Đạt |
| **V** |  | **HỆ THÔNG CHÍNH TRỊ** |   |   |   |   |  |
| **18** | **Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật** | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | Đạt | Đạt  | 19/21 | Đạt  | Đạt |
| 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên | % | 100 | 100% | Đạt | Đạt |
| 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | Đạt |   | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội | Đạt |   | Đạt | Đạt | Đạt |
| **19** | **Quốc phòng và An ninh** | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt | Đạt |